

Bản án số:45/2023/HS-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Quang Vũ

Thư ký phiên toà: Lê Hồng Đăng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh P, đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLPT-HS ngày 05/6/2023. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HSST ngày 27/4/2023 của TAND thị xã P, tỉnh P.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 01/3/1968, tại thị xã P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu Ngọc Tháp, xã H, thị xã P, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V, sinh năm 1937 (già yếu) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940 (già yếu); Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991); Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15 ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02/01/2014. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2015, nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 23/6/2014.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05 ngày 28/02/2017, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (ngày thực hiện hành vi phạm tội là ngày 12/10/2016). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 28/4/2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21 ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (ngày thực hiện hành vi phạm tội là ngày 14/02/2017). Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 05 ngày 29/4/2014. Buộc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 63 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/02/2017. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2021, nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 31/7/2017.

Nhân thân: Có 03 bản án và 03 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 28/02/2001, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P xử phạt Trần Ngọc T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 08/11/2000. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2001. Nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 06/4/2001.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35 ngày 28/8/2003, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày tuyên án, được khấu trừ 180 ngày tạm giữ, tạm giam. Nộp phạt 1.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 31/12/2007.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48 ngày 01/11/2005, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Đã chấp hành xong hình phạt tù; nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 23/02/2006.

Tại Quyết định số 01 ngày 31/12/2008, Công an phường Phong Châu, thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền, mức phạt: 200.000 đồng. T chưa chấp hành khoản tiền phạt này, Cơ quan ra Quyết định không áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Tại Quyết định số 140 ngày 04/11/2009, Công an thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt: 150.000 đồng. T chưa chấp hành khoản tiền phạt này, Cơ quan ra Quyết định không áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Tại Quyết định số 13 ngày 07/6/2016, Công an phường Hùng Vương, thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt cảnh cáo.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã H, thị xã P, tỉnh P(Có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị Thu Thảo, sinh năm 1996, HKTT: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ nơi công tác: Phòng công chứng số 2, tỉnh P. ĐT: 0868 802 296 (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Chị Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu Ngọc Tháp, xã H, thị xã P, tỉnh P. ĐT: 0334 765 811(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/11/2022, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 17H2-9326 đến phòng công chứng số 2 thuộc khu Nguyễn Du, phường A, thị xã P, tỉnh P để công chứng giấy tờ. Khi đến nơi, T dựng xe ở vỉa hè rồi đi vào phòng làm việc thứ nhất, tầng 1 bên phải, giáp với cầu thang bộ theo hướng từ ngoài đường vào. Lúc này, trong phòng không có ai, trên mặt bàn làm việc có 01 chiếc ví giả da màu nâu của chị Trần Thị Thu Thảo, sinh năm: 1996 trú tại xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (là chuyên viên phòng công chứng số 2, tỉnh P). Thấy bên trong ví có nhiều mớ tiền bị hở ra ngoài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị Thảo. Quan sát xung quanh không có người cũng không có camera an ninh, T lấy toàn bộ tiền bên trong ví được 9.280.000 đồng, đút vào túi quần rồi để ví vào vị trí cũ và điều khiển xe đi về nhà. Có được tiền trộm cắp, T khai mua 01 điện thoại di động, loại cảm ứng hết 7.500.000 đồng, sau đó bị rơi mất; chi tiêu ăn uống hết 1.580.000 đồng; còn 200.000 đồng, T cất trong ví để trên giường tại phòng khách nhà T. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Thảo đã trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, đề nghị làm rõ đối tượng trộm cắp và xử lý theo quy định pháp luật.

Phục vụ công tác điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, tạm giữ chiếc ví giả da màu nâu của chị Trần Thị Thu Thảo và tiến hành rà soát xác định đối tượng trộm cắp là Trần Ngọc T. Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên đồng thời giao nộp 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 quần dài màu ghi bạc, 01 đôi dép nhựa tổ ong màu trắng và 01 xe mô tô BKS 17H2-9326. Kết quả thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ được 01 chiếc áo phông cộc tay màu xám, 01 ví giả da màu đen đã cũ bên trong có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T và 200.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, T tự nguyện nộp số tiền 9.080.000 đồng để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 Toà án nhân thị xã P đã quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, án phí và các nội dung khác.

Ngày 05/5/2023, bị cáo Trần Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới nào

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trình bày quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Toà án nhân thị xã P

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 13/11/2022, tại phòng công chứng số 2, tỉnh P thuộc khu Nguyễn Du, phường A, thị xã P, tỉnh P; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Trần Ngọc T đã thực hiện hành vi trộm cắp 9.280.000 đồng của chị Trần Thị Thu Thảo với mục đích tư lợi cá nhân. Trần Ngọc T đã có 03 tiền án, năm 2017 bị kết án về tội cố ý và bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy

hiểm”. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân xử phạt bị cáo 39 tháng tù phù hợp với pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không xuất trình được bất cứ tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

[3] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận

[4] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HSST ngày 27/4/2023 của TAND thị xã P, tỉnh P.

[2]. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc T.

[3]. Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 15/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Trần Thị Thu Thảo 01 ví giả da màu nâu và 9.280.000 đồng; Trả

lại cho Trần Ngọc T 01 ví giả da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T.

Xác nhận ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hào chiếc xe mô tô BKS 17H2-9326.

Tịch thu để tiêu hủy đối với: 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ le thời trang màu đen có chữ adidas (đã qua sử dụng), 01 chiếc quần dài màu ghi bạc (đã qua sử dụng), 01 áo phông cộc tay màu xám, tại vị trí ngực áo bên trái có thêu hình màu xanh (biểu tượng NiKe), hai bên cánh tay có viền màu xanh (đã qua sử dụng) và 01 đôi dép tổ ong màu trắng (đã qua sử dụng) là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tiền của chị Thảo do không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh P ngày 03/3/2023).

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm hình sự.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TX. P;
- Công an TX. P;
- THADS TX. P;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lượ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2023/HS-ST
Ngày 27 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Huyền

Ông Trần Quang Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh P tham gia phiên tòa:

Bà Phan Tường Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 01/3/1968, tại thị xã P, tỉnh P; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu Ngọc Tháp, xã H, thị xã P, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Vườn, sinh năm 1937 (già yếu) và bà Nguyễn Thị Nhã, sinh năm 1940 (già yếu); Vợ: Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1969; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991); Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15 ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 02/01/2014. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2015, nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 23/6/2014.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05 ngày 28/02/2017, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (ngày thực hiện hành vi phạm tội là ngày 12/10/2016). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 28/4/2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21 ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (ngày thực hiện hành vi phạm tội là ngày 14/02/2017). Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù theo bản án số 05 ngày 29/4/2014. Buộc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 63 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/02/2017. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2021, nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 31/7/2017.

Nhân thân: Có 03 bản án và 03 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 28/02/2001, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P xử phạt Trần Ngọc T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 08/11/2000.

Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2001. Nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 06/4/2001.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35 ngày 28/8/2003, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày tuyên án, được khấu trừ 180 ngày tạm giữ, tạm giam. Nộp phạt 1.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 31/12/2007.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48 ngày 01/11/2005, Tòa án nhân dân thị xã P xử phạt Trần Ngọc T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Đã chấp hành xong hình phạt tù; nộp án phí hình sự sơ thẩm xong ngày 23/02/2006.

Tại Quyết định số 01 ngày 31/12/2008, Công an phường Phong Châu, thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền, mức phạt: 200.000 đồng. T chưa chấp hành khoản tiền phạt này, Cơ quan ra Quyết định không áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Tại Quyết định số 140 ngày 04/11/2009, Công an thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, mức phạt: 150.000 đồng. T chưa chấp hành khoản tiền phạt này, Cơ quan ra Quyết định không áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Tại Quyết định số 13 ngày 07/6/2016, Công an phường Hùng Vương, thị xã P xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt cảnh cáo.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh P; Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị Thu Thảo, sinh năm 1996, HKTT: Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ nơi công tác: Phòng công chứng số 2, tỉnh P. ĐT: 0868 802 296. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hảo, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu Ngọc Thập, xã H, thị xã P, tỉnh P. ĐT: 0334 765 811. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/11/2022, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 17H2-9326 đến phòng công chứng số 2 thuộc khu Nguyễn Du, phường A, thị xã P, tỉnh P để công chứng giấy tờ. Khi đến nơi, T dựng xe ở vỉa hè rồi đi vào phòng làm việc thứ nhất, tầng 1 bên phải, giáp với cầu thang bộ theo hướng từ ngoài đường vào. Lúc này, trong phòng không có ai, trên mặt bàn làm việc có 01 chiếc ví giả da màu nâu của chị Trần Thị Thu Thảo, sinh năm: 1996 trú tại xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (là chuyên viên phòng công chứng số 2, tỉnh P). Thấy bên trong ví có nhiều mớ tiền bị hờ ra ngoài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị Thảo. Quan sát xung quanh không có người cũng không có camera an ninh, T lấy toàn bộ tiền bên trong ví được 9.280.000 đồng, đút vào túi quần rồi để ví

vào vị trí cũ và điều khiển xe đi về nhà. Có được tiền trộm cắp, T khai mua 01 điện thoại di động, loại cảm ứng hết 7.500.000 đồng, sau đó bị rơi mất; chi tiêu ăn uống hết 1.580.000 đồng; còn 200.000 đồng, T cất trong ví để trên giường tại phòng khách nhà T. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Thảo đã trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, đề nghị làm rõ đối tượng trộm cắp và xử lý theo quy định pháp luật.

Phục vụ công tác điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, tạm giữ chiếc ví giả da màu nâu của chị Trần Thị Thu Thảo và tiến hành rà soát xác định đối tượng trộm cắp là Trần Ngọc T. Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên đồng thời giao nộp 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 quần dài màu ghi bạc, 01 đôi dép nhựa tổ ong màu trắng và 01 xe mô tô BKS 17H2-9326. Kết quả thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ được 01 chiếc áo phông cộc tay màu xám, 01 ví giả da màu đen đã cũ bên trong có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T và 200.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, T tự nguyện nộp số tiền 9.080.000 đồng để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại.

Cáo trạng số 12/CT-VKSTXPT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh P đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi: Khoảng 15 giờ ngày 13/11/2022, tại phòng công chứng số 2, tỉnh P thuộc khu Nguyễn Du, phường A, thị xã P, tỉnh P; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 9.280.000 đồng của chị Trần Thị Thu Thảo với mục đích tư lợi cá nhân. Bị cáo đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã P để bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 35 tháng tù đến 39 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc T.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 15/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Trần Thị Thu Thảo 01 ví giả da màu nâu và 9.280.000 đồng; Trả lại cho Trần Ngọc T 01 ví giả da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T. Xác nhận ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hào chiếc xe mô tô BKS 17H2-9326 là hợp pháp.

Tịch thu để tiêu hủy đối với: 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc quần dài màu ghi bạc, 01 áo phông cộc tay màu xám và 01 đôi dép tổ ong màu trắng là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tiền của chị Thảo do không còn giá trị sử dụng.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa. Do vậy có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 13/11/2022, tại phòng công chứng số 2, tỉnh P thuộc khu Nguyễn Du, phường A, thị xã P, tỉnh P; lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Trần Ngọc T đã thực hiện hành vi trộm cắp 9.280.000 đồng của chị Trần Thị Thu Thảo với mục đích tư lợi cá nhân. Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã thu hồi được tài sản trộm cắp và trả lại cho bị hại. Trần Ngọc T đã có 03 tiền án, năm 2017 bị kết án về tội cố ý và bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn ý thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm quyền sở hữu của chị Trần Thị Thu Thảo.

Vì vậy có cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, bị cáo có 03 tiền án, không có tiền sự nhưng bị cáo đã 03 lần bị kết án và 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính như đã nêu trên.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự vì bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có bố đẻ là ông Trần Văn Vườn được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì là người có công với cách mạng.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Với các tình tiết nêu trên, áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ trong một thời gian, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị, nghề nghiệp không ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng của vụ án:

Ngày 15/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại cho bị hại là chị Thảo 01 ví giả da màu nâu và 9.280.000 đồng; trả lại cho Trần Ngọc T 01 ví giả da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T là hợp pháp được xác nhận.

Đối với 01 xe mô tô BKS 17H2-9326 là của chị Nguyễn Thị Hảo, sinh năm: 1969 trú tại khu Ngọc Tháp, xã H, thị xã P, tỉnh P; chị Hảo cho T sử dụng làm phương tiện đi lại, không biết việc T trộm cắp tài sản. Ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại chiếc xe trên cho chị Hảo là chủ sở hữu hợp pháp được xác nhận.

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm, 01 chiếc quần dài màu ghi bạc, 01 áo phông cộc tay màu xám và 01 đôi dép tổ ong màu trắng là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tiền của chị Thảo, bị cáo không yêu cầu, đề nghị gì do không còn giá trị sử dụng được tịch thu để tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Thu Thảo đã nhận lại số tiền bị trộm cắp, không yêu cầu T phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào khác.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Ngọc T.

2. Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 15/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Trần Thị Thu Thảo 01 ví giả da màu nâu và 9.280.000 đồng; Trả lại cho Trần Ngọc T 01 ví giả da màu đen, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Ngọc T.

Xác nhận ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hảo chiếc xe mô tô BKS 17H2-9326.

Tịch thu để tiêu hủy đối với: 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ le thời trang màu đen có chữ adidas (đã qua sử dụng), 01 chiếc quần dài màu ghi bạc (đã qua sử dụng), 01 áo phông cộc tay màu xám, tại vị trí ngực áo bên trái có thêu hình màu xanh (biểu tượng NiKe), hai bên cánh tay có viền màu xanh (đã qua sử dụng) và 01 đôi dép tổ ong màu trắng (đã qua sử dụng) là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tiền của chị Thảo do không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh P ngày 03/3/2023).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; đương sự;
- VKSND thị xã P;
- VKSND tỉnh P;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã P;
- Cơ quan Thi hành án hình sự; Cơ quan thi hành án dân sự thị xã P;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ, văn phòng, kế toán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Đình Chi

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN
LẬP
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HS-ST

Ngày: 26/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hân

Ông Nguyễn Đức Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Bốn, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày: 27/5/1984 tại xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P; Nơi ĐKKHKT: Khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1965; Vợ: Hoàng Thị Liên, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11, ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị T Hải - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Bằng Phi. Chức vụ: Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Bình – Phó chủ tịch UBND (Giấy ủy quyền ngày 25/4/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đồng Tiến, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn Phi, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đồng Phú, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có đất để trồng cây Ka keo nên Nguyễn Văn Bốn, sinh ngày 27/5/1984, ở khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P đã nảy sinh ý định lấn chiếm đất rừng tại khu vực đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập do Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc quản lý.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/02/2023, Nguyễn Văn Bốn đi đến vị trí lô 14, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P (*Vị trí này Theo Quyết định số 18 ngày 30/8/2011 của UBND tỉnh P về việc duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh P giai đoạn 2011 -2020; Quyết định 1338 ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh P năm 2015; Quyết định số 3813 ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh P giai đoạn 2016 -2025 và định hướng đến năm 2030, đất rừng được giao cho UBND xã Đồng Lạc quản lý, Hạt kiểm lâm huyện Yên Lập có trách nhiệm bảo vệ, UBND xã Đồng Lạc và Hạt kiểm lâm huyện Yên Lập đã tăng cường tuyên truyền nhân dân phòng cháy chữa cháy rừng, không được lấn chiếm, khai thác, huỷ hoại rừng, tăng cường bảo vệ và phát triển rừng*). Tại vị trí đất rừng này Bốn thấy có nhiều cành cây, lá bị chết khô nên đã đi gom lại thành đống rồi dùng 01 chiếc bát lửa ga, màu vàng, đỏ mang theo trên người đốt cháy những cành cây lá khô này. Sau khi đốt khoảng

10 phút thì lửa tắt chỉ còn lại than đỏ, thì Bốn bỏ đi đến vị trí đồi cây của gia đình mình (*đồi cây của gia đình Bốn giáp với đất rừng do UBND xã Đồng Lạc quản lý, bảo vệ*), cách vị trí Bốn vừa đốt khoảng 100 m để phun thuốc trừ cỏ. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày Bốn nghe thấy tiếng nổ lẹt đẹt thì thấy vị trí Bốn vừa đốt ở đất rừng do UBND xã Đồng Lạc quản lý lửa lại bùng lên và cháy lan rộng. Lúc này Bốn nói với vợ (*là chị Hoàng Thị Liên, sinh năm 1990, chị Liên không biết việc Bốn đốt rừng*) là “Cháy lan rồi”. Sau đó Bốn và chị Liên đến để dập lửa, nhưng do trời hanh khô, lửa cháy to, lan rộng nên Bốn và chị Liên không dập được lửa, bỏ đi về. Sau khi Bốn đốt rừng ở vị trí lô 14, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P, lửa đã cháy to, lan rộng sang các lô 47; lô 4, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P, thì được chính quyền địa phương phát hiện, huy động quần chúng nhân dân tiến hành chữa cháy, dập lửa, đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì ngọn lửa được khống chế và dập tắt.

Đối với Nguyễn Văn Bốn sau khi thực hiện hành vi đốt rừng lửa cháy lan rộng thì Bốn bỏ về nhà nhằm trốn tránh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) triệu tập Bốn đến làm việc, Bốn đã khai nhận hành vi đốt rừng của mình như trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định, yêu cầu định giá để xác định vị trí, diện tích, loại rừng, trạng thái rừng, thiệt hại mà Nguyễn Văn Bốn đã đốt cháy gây ra:

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường xảy ra vụ đốt cháy rừng ở vị trí tại lô 14, lô 4, lô 47 khoảnh 8, tiểu khu 193 tại đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P. Diện tích rừng bị cháy được đo toạ độ tại 16 điểm, rồi nối các điểm toạ độ với nhau xác định được tổng diện tích bị cháy là 47.650 m². Lâm sản bị thiệt hại trên diện tích 47.650 m² gồm: Cây gỗ thực vật thông thường gồm 157 cây, có chiều cao trung bình từ 01 mét đến 02 mét, toàn bộ đã bị cháy than hoá phần vỏ, tán cây bị héo lá, không có khả năng phục hồi. Cây giang: Toàn bộ cây giang bị cháy hoàn toàn phần lá, phần thân cây bị cháy dang dở, phần còn lại không bị cháy đã chuyển sang màu vàng cát không có khả năng phục hồi. Xác định mật độ cây giang là 400 cây/1 ha, tổng số cây giang thiệt hại là 1.906 cây.

Ngày 07/2/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lập đã ra Quyết định số 08 trưng cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh P giám định vị trí bị cháy rừng thuộc loại rừng gì, trạng thái rừng, loại thực vật rừng thiệt hại. Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 17/02/2023 của Chi cục kiểm lâm tỉnh P đã kết luận:

Hiện trường vụ cháy tại các lô 14, lô 4, lô 47 khoảnh 8, tiểu khu 193 tại đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P xác định diện tích rừng bị cháy là 47.650m², thảm thực bì dưới tán rừng bị cháy hoàn toàn, cây thân gỗ bị thiệt hại sau cháy rừng gồm: Ba bét, Dung (Dung giấy), Khế, Phôi bò, Sồi, Trầu,...; thực vật rừng ngoài gỗ bị thiệt hại gồm: Giang (thuộc phân họ tre, nứa). Tại thời điểm giám định không phát hiện thấy thực vật rừng, động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp,

quy hiếm và phụ lục CITES bị thiệt hại. Thiệt hại cây gỗ là 157 cây gỗ, có tổng trữ lượng cây đứng $4,623m^3$, (trữ lượng cây đứng tương đương $0,970m^3/ha$) và 1.906 cây Giang (tương đương mật độ 400 cây/ha). Đối chiếu với Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và các quy định của pháp luật thì các lô rừng bị cháy nêu trên có trạng thái là rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng.

* **Kết luận:** Diện tích rừng bị cháy $47.650m^2$ ngày 01/02/2023 tại các lô 47;14;4, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng thuộc khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P là rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng.

Ngày 22/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lập đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Lập định giá 157 cây gỗ tái sinh thuộc loài thông thường có khối lượng $4,623m^3$ và 1.906 cây Giang. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Lập đã kết luận: 157 cây gỗ tái sinh thuộc loài thông thường có trữ lượng cây đứng là $4,623m^3$ có trị giá: 1.941.800 đồng. 1.906 cây Giang có trị giá là: 8.577.000 đồng. Tổng cộng: 10.518.800 đồng.

Hành vi của Nguyễn Văn Bốn dùng một chiếc bật lửa ga để đốt trái phép thảm thực vật khô tại vị trí lô 14, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P dẫn đến cháy toàn bộ diện tích $47.650 m^2$, thuộc các lô 14, lô 47; lô 4, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng là đất rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng và thiệt hại về lâm sản là 10.518.800 đồng. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan CSĐT Nguyễn Văn Bốn đã khai toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu. Lời khai của Bốn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nguyên đơn dân sự trình bày tại các lời khai trong hồ sơ: Bị cáo phạm tội vì thiếu hiểu biết, chỉ vì muốn làm kinh tế gia đình đã phá, đốt rừng sản xuất. Đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại diện tích rừng đã gây ra theo định giá để bảo tồn giữ nguyên hiện trạng rừng để rừng tái sinh. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án phù hợp để răn đe phòng ngừa.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSYL-HS, ngày 05/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Bốn về tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm a khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Văn Bốn phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bốn từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Văn Bốn theo khoản 4 Điều 243 BLHS.

Áp dụng Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Nguyễn Văn Bốn đã bồi thường giá trị lâm sản, số tiền 10.518.800 đồng cho UBND xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P nhận.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga màu vàng, đồ thu giữ của Bốn, nay không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí nội dung bản cáo trạng về tội danh truy tố và mức hình phạt. Bị cáo đã khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã đề nghị. Bị cáo là công dân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuần nông, hạn chế nhất định về nhận thức pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc phạt bị cáo mức án thấp và cho hưởng án treo cũng đủ để bị cáo cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Không có ai có tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo ở ngoài lao động nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/02/2023 Nguyễn Văn Bốn, sinh ngày 27/5/1984, ở khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P đã thực hiện hành vi đốt rừng trái phép dẫn đến cháy rừng tại vị trí lô 14, lô 47, lô 4, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P. Hậu quả toàn bộ diện tích 47.650 m² là rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng tại lô 14, 47, 4, khoảnh 8, tiểu khu 193, đồi Đá Trắng, khu Đồng Khanh, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P bị huỷ hoại, thiệt hại về lâm sản là 10.518.800 đồng.

[2] Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các biên bản: Khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường và lời khai của người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Bốn phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P, truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 243 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Tại Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: Tội Hủy hoại rừng.

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a, Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²)”;

[3] Xét tính chất vụ án: Là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Về nguyên nhân phạm tội là do thiếu hiểu biết, mục đích phạm tội là muốn có đất canh tác tạo thêm thu nhập nên Nguyễn Văn Bốn đã thực hiện hành vi phạm tội, với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh trước pháp luật, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Xong khi lượng hình cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Xét về nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS là: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*. Trước khi xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ số tiền 10.518.800 đồng, đại diện nguyên đơn dân sự đã xác nhận là nhận đủ tiền nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo còn là người dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng theo quy định của pháp luật và theo Chỉ thị 05/CT-TTg, ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về *“Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật”*, từ đó cần xét xử nghiêm nhằm xây dựng ý thức bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi hủy hoại rừng trong tương lai nên cần phải phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thích hợp để bị cáo cải tạo và có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 điều 243 BLHS còn quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Vì bị cáo không có tài sản riêng, tài sản chung là của vợ chồng. Do vậy cần miễn hình phạt bổ sung là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự đề nghị bị cáo phải bồi thường theo định giá đối với số cây lâm sản bị chặt phá

thiệt hại, số tiền là 10.518.800 đồng, để quản lý phục hồi diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh. Ngày 26/4/2023 Nguyễn Văn Bốn đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trên cho đại diện UBND xã Đồng Lạc đã nhận đủ.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã thu giữ của Nguyễn Văn Bốn: 01 chiếc bật lửa ga màu vàng, đồ là vật chứng, công cụ dùng vào việc phạm tội đốt rừng, nay không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Lập, Điều tra viên; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, Kiểm sát viên trong quá trình kiểm sát điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Quan điểm của kiểm sát viên, đề nghị áp dụng điều luật, mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp pháp luật. Không chấp nhận đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo về hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Bốn phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Xử phạt: Nguyễn Văn Bốn 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng khoản 4 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

Duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11, ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh P đối với Nguyễn Văn Bốn.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận Nguyễn Văn Bốn đã bồi thường giá trị lâm sản bị hủy hoại số tiền 10.518.800đ (Mười triệu, năm trăm mười tám nghìn, tám trăm đồng) cho UBND xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh P.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bật lửa ga màu vàng, đồ thu giữ của Bốn.

Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/4/2023.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Bốn vì thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt, được quyền kháng cáo. Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Chi cục THADS; THAHS;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- TGVPL;
- Lưu HS, VP (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh